

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 48/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 18-4-2022

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hg Thị Thu Hiền.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lý Đình Đạt

Ông Nguyễn Văn Chiến

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Vân - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang không tham gia phiên tòa.

Ngày 18 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 39/2022/TLST-HNGĐ ngày 11/03/2022 về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con chung.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 36A/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 15/3/2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Lê Văn Q, sinh năm 1988 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn M, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

2. Bị đơn: Chị Lê Thị H, sinh năm 1989 (vắng mặt)

Đăng ký Hộ khẩu: Thôn M, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

Địa chỉ: Thành phố T, khu T, đường T, đoạn 2, số nhà 338, Đài Loan.

Người đại diện theo ủy quyền của chị H nhận văn bản tố tụng của Tòa án:
Ông Lê Đình H, sinh năm 1967. Địa chỉ: Thôn D, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai trong quá trình làm việc tại Tòa án, nguyên đơn là anh Lê Văn Q trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Trước khi kết hôn anh và chị Lê Thị H được tự do tìm hiểu. Xét thấy có tình cảm nên anh chị đã tự nguyện tiến tới hôn nhân và được sự

đồng ý của hai bên gia đình. Anh chị có đăng ký kết hôn tại UBND xã T ngày 20/11/2008. Sau khi kết hôn thì chị H về làm dâu ngay. Ban đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Khoảng năm 2013 chị H đi lao động tại Đài Loan để phát triển kinh tế gia đình chị H có về phép 1 lần. Khi mới sang vợ chồng vẫn thường xuyên liên lạc với nhau nhưng một khoảng thời gian sau thì ít liên lạc dần và ngày càng phát sinh mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân mâu thuẫn là do mỗi vợ chồng ở một nơi, không quan tâm đến nhau, bất đồng quan điểm sống và không còn tiếng nói chung trong cuộc sống. Hiện nay anh chị không còn liên lạc với nhau nữa. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Lê Thị H.

Về con chung: Anh và chị H có 01 con chung là cháu Lê Anh H, sinh ngày 06/10/2009. Hiện nay con chung đang ở với anh. Sau khi ly hôn anh đề nghị được nuôi con chung. Về cấp dưỡng anh không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, công nợ chung: Anh không đề nghị Tòa án giải quyết trong vụ án này.

** Tại bản tự khai ngày 10/3/2022 (có xác nhận của Văn phòng kinh tế văn hóa Việt Nam tại Đài Bắc), bị đơn chị Lê Thị H trình bày:*

Trước khi kết hôn thì chị và anh Lê Văn Q có được tự do tìm hiểu. Xét thấy có tình cảm nên anh chị đã tự nguyện tiến tới hôn nhân và được sự đồng ý của hai bên gia đình. Chị và anh Q có đăng ký kết hôn tại UBND xã T ngày 20/11/2008. Sau khi kết hôn chị về làm dâu ngay. Ban đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Khoảng năm 2013 chị đi lao động tại Đài Loan để phát triển kinh tế gia đình. Khi mới sang vợ chồng vẫn thường xuyên liên lạc với nhau nhưng một khoảng thời gian sau thì anh chị ít liên lạc dần và ngày càng phát sinh mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân mâu thuẫn là do mỗi vợ chồng ở một nơi, không quan tâm đến nhau, bất đồng quan điểm sống và không còn tiếng nói chung trong cuộc sống. Hiện nay chị và anh Q không còn liên lạc với nhau nữa. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được anh Q xin ly hôn thì chị đồng ý.

Về con chung: Chị và anh Q có 01 con chung là cháu Lê Anh H, sinh ngày 10/06/2009. Hiện nay con chung đang ở với anh Q. Sau khi ly hôn chị đồng ý để anh Q nuôi con chung. Về cấp dưỡng chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, công nợ chung: Chị không đề nghị Tòa án giải quyết trong vụ án này.

Hiện nay do làm việc ở xa nên chị không thể về tham gia các phiên tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải của Tòa án được. Chị và anh Q đã không đạt được mục đích hôn nhân nên chị làm đơn này đề nghị Tòa án không tiến hành mở phiên hòa giải giữa chị và anh Q. Chị xin vắng mặt trong tất cả các buổi làm việc, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, các phiên xét xử của Tòa án trong vụ án này.

Ngoài ra, chị trình bày chị ủy quyền cho bố chị là ông Lê Đình H, sinh năm 1967; Địa chỉ: Thôn D, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Thay mặt chị đến Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang nộp các tài liệu chứng cứ, chi phí tố tụng, nhận các văn bản tố tụng của Tòa án giao cho chị, nhận bản án, trích lục khi Tòa án xét xử xong

vụ án ly hôn giữa chị và anh Q, ông H có trách nhiệm thông báo lại các nội dung văn bản trên cho chị biết ngay. Thời hạn ủy quyền cho đến khi giải quyết xong vụ án.

* *Cháu Lê Anh H trình bày:* Cháu có nguyện vọng được ở với bà nội và mẹ cháu vẫn thường xuyên gọi điện về hỏi thăm cháu. Hiện nay cháu vẫn đang phát triển bình thường.

* *Tại phiên tòa sơ thẩm,* chị H và anh Q xin vắng mặt. Hội đồng xét xử tóm tắt nội dung vụ án, công bố các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được công bố tại phiên tòa. Sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật, thẩm quyền giải quyết vụ án: Anh Lê Văn Q có đơn xin ly hôn và giải quyết về con chung đối với chị Lê Thị H, chị H hiện đang sống và làm việc tại Đài Loan có địa chỉ: Thành phố T, khu T, đường T, đoạn 2, số nhà 338, Đài Loan. Như vậy, đây là vụ án “ly hôn, tranh chấp về con chung” theo quy định tại khoản 1, Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; về thẩm quyền: Do có một bên đương sự ở nước ngoài nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang, theo quy định tại khoản 2, Điều 123, Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình và khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Ngoài ra, trong vụ án này Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang không tham gia phiên tòa, do vụ án không tiến hành thu thập chứng cứ là có căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 21 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về sự vắng mặt của đương sự: Tại phiên tòa anh Lê Văn Q và chị H vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt. Do vậy căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với chị H và anh Q.

[3]. Về quan hệ hôn nhân: Trước khi kết hôn thì anh Q và chị Lê Thị H được tự do tìm hiểu, tự nguyện tiến tới hôn nhân và được sự đồng ý của hai bên gia đình. Anh Q, chị H có đăng ký kết hôn tại UBND xã T ngày 20/11/2008. Quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được anh Q đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Lê Thị H.

Xét yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của anh Q, Hội đồng xét xử thấy: Quan hệ hôn nhân của anh Lê Văn Q và chị H là hợp pháp. Hiện nay anh Lê Văn Q và chị H mỗi người sống một nơi, xa cách về địa lý và không còn quan tâm, chia sẻ với nhau trong cuộc sống nữa, vợ chồng mâu thuẫn cắt đứt liên lạc. Vợ chồng không còn thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình, cả anh Lê Văn Q và chị H đã không thực hiện nghĩa vụ vợ chồng theo quy định. Anh Q xin ly hôn, chị H có quan điểm đồng ý ly hôn. Như vậy, tình trạng mâu thuẫn vợ chồng giữa anh Lê

Văn Q và chị H đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Nên căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, xử cho anh Lê Văn Q được ly hôn chị Lê Thị H.

[4]. Về con chung: Anh Q và chị H có 01 con chung là cháu Lê Anh H, sinh ngày 06/10/2009. Hiện nay con chung đang ở với anh Q. Sau khi ly hôn anh Q đề nghị được nuôi con chung. Về cấp dưỡng anh không đề nghị Tòa án giải quyết.

Xét yêu cầu nuôi con chung của anh Q, Hội đồng xét xử thấy: Tại thời điểm Tòa án giải quyết vụ án chị H đang lao động tại Đài Loan, không thể trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng con chung được. Hiện nay con chung đang ở cùng anh Q, cháu phát triển bình thường, anh Q có điều kiện trình bày được nuôi con chung, cháu H có nguyện vọng được ở với bà nội. Ngoài ra, chị H có quan điểm đồng ý để anh Q nuôi dưỡng con chung. Nên căn cứ Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình, giao 01 con chung là cháu Lê Anh H, sinh ngày 06/10/2009 cho anh Q trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật là có căn cứ đảm bảo quyền và lợi ích của con chung cũng như phù hợp điều kiện thực tế. Chị H không phải cấp dưỡng nuôi con chung do anh Q không yêu cầu.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở theo quy định tại Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình.

Trường hợp chị H về Việt Nam và có nguyện vọng nuôi con chung có quyền làm đơn yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn bằng vụ án khác theo quy định tại Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình.

[5]. Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản (công nợ): anh Lê Văn Q, chị H đều bày không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6]. Về án phí: Căn cứ quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, buộc anh Lê Văn Q phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm.

[7]. Quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271, Điều 273 và khoản 2 Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 123, Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, điểm b khoản 1 Điều 238, Điều 271, Điều 273, khoản 2 Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14

ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

1. Về hôn nhân: Anh Lê Văn Q được ly hôn chị Lê Thị H.

2. Về con chung: Giao con chung Lê Anh H, sinh ngày 06/10/2009 cho anh Q trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Chị H không phải cấp dưỡng nuôi con chung do anh Q không yêu cầu.

Sau khi ly hôn, chị H không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở chị H thực hiện quyền này.

3. Về án phí: Anh Lê Văn Q phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí sơ thẩm theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0000334 ngày 11/3/2022 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang. Xác nhận anh Lê Văn Q đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Anh Lê Văn Q vắng có mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Chị Lê Thị H hiện đang cư trú ở nước ngoài vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng (30 ngày) kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND Cấp Cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Cục THADS tỉnh Bắc Giang;
- UBND xã T, huyện L.
- Cổng thông tin điện tử TANDTC;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(Đã ký)**

Hg Thị Thu Hiền

